

Giồng Riềng, ngày 20 tháng 8 năm 2024

## GIẤY XIN BÁO GIÁ

### Gói thầu mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ, văn phòng phẩm

Kính gửi: Các Công ty kinh doanh, dịch vụ cung cấp vãi.

Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ, văn phòng phẩm, thuộc dự toán mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ, văn phòng phẩm với nội dung cụ thể như sau:

#### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.  
Địa Chỉ: Khu phố 8, thị trấn huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:  
Trương Tấn Thanh, Trưởng phòng Hành chính Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng; số điện thoại: 02973802277, địa chỉ email: thanh.gr1967@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng; địa chỉ Khu phố 8, thị trấn huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 20 tháng 8 năm 2024 đến trước 17 giờ ngày 30 tháng 8 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2024 đến ngày 28 tháng 12 năm 2024.

#### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ, văn phòng phẩm cụ thể như sau:

| STT | Tên vật tư, hàng hóa     | Đơn vị tính | Số Lượng | Mô tả hàng hóa                                                   | Địa điểm thực hiện | quy cách                    |
|-----|--------------------------|-------------|----------|------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------|
| I   | Vật tư, công cụ, dụng cụ |             |          |                                                                  |                    |                             |
| 1   | Áo Gối                   | Cái         | 5        | Vật liệu: Vải, gòn hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam          | TTYT               | 40 x 60cm                   |
| 2   | Bàn Chải Nhựa            | Cái         | 30       | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam               | TTYT               | 05 x 11 cm                  |
| 3   | Bọc ni lon               | Kg          | 50       | Chất liệu: ni lon hoặc tương đương, màu xanh; sản xuất: Việt Nam | TTYT               | 60 x 90cm; độ dày: 0,02 dem |

|    |                    |       |     |                                                                         |      |                                          |
|----|--------------------|-------|-----|-------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------|
| 4  | Bọc ni lon có quay | Kg    | 100 | Chất liệu: ni lon hoặc tương đương, màu vàng; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | Có quay, đáy 24 cm; độ dày: 0,02 dem     |
| 5  | Bọc ni lon có quay | Kg    | 150 | Chất liệu: ni lon hoặc tương đương, màu vàng; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | Có quay, đáy 30cm; độ dày: 0,02 dem      |
| 6  | Bọc ni lon có quay | Kg    | 150 | Chất liệu: ni lon hoặc tương đương, màu vàng; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | Có quay, đáy y 40 cm; độ dày: 0,02 dem   |
| 7  | Bọc ni lon         | Kg    | 3   | Chất liệu: ni lon hoặc tương đương, màu Trắng trong; sản xuất: Việt Nam | TTYT | 15 x 25 cm; độ dày: 0,02 dem             |
| 8  | Bọc ni lon có quay | Kg    | 50  | Chất liệu: ni lon hoặc tương đương, màu xanh; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | Có quay, đáy 30 cm; độ dày: 0,02 dem     |
| 9  | Bọc ni lon có quay | Kg    | 30  | Chất liệu: ni lon hoặc tương đương, màu xanh; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | Có quay, đáy 35 cm; độ dày: 0,02 dem     |
| 10 | Bọc ni lon có quay | Kg    | 30  | Chất liệu: ni lon hoặc tương đương, màu trắng                           | TTYT | Có quay, đáy 15 cm; độ dày: 0,02 dem     |
| 11 | Bọc ni lon có quay | Kg    | 50  | Chất liệu: ni lon hoặc tương đương, màu xanh; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | Có quay, đáy 40 cm; độ dày: 0,02 dem     |
| 12 | Bao Tay Mũ         | Cặp   | 200 | Hiệu: Syren hoặc tương đương; sản xuất: Hàn Quốc                        | TTYT | Dài: 310mm                               |
| 13 | Túi ni lon         | Kg    | 25  | Chất liệu: ni lon hoặc tương đương, màu vàng; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | 60 x 90cm; độ dày: 0,02 dem              |
| 14 | Túi ni lon         | Kg    | 10  | Chất liệu: ni lon hoặc tương đương, màu Trắng trong; sản xuất: Việt Nam | TTYT | 06 x 10 cm; độ dày: 0,02 dem             |
| 15 | Túi ni lon         | Kg    | 210 | Chất liệu: ni lon hoặc tương đương, màu Trắng trong; sản xuất: Việt Nam | TTYT | 09 x 14 cm; độ dày: 0,02 dem             |
| 16 | Cây Lau nhà        | Cây   | 6   | Hiệu: Quy Phúc hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                     | TTYT | Cán nhôm, búi vải: dài 100cm, ngang 30cm |
| 17 | Chai Xịt Muối      | Chai  | 80  | Hiệu: Jumbo hoặc tương đương                                            | TTYT | 600 ml                                   |
| 18 | Chiếu lát          | Chiếc | 15  | Chất liệu: Lát hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                     | TTYT | 09 x 1,90 m                              |
| 19 | Chổi Cỏ            | Cây   | 30  | Chất liệu: Bông cỏ hoặc tương đương; sản                                | TTYT | Dài 80cm                                 |

|    |                      |       |     |                                                                    |      |                             |
|----|----------------------|-------|-----|--------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------|
|    |                      |       |     | xuất: Việt Nam                                                     |      |                             |
| 20 | Chổi Dừa Lớn         | Cây   | 5   | Chất liệu: Cọng tàu dừa hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam       | TTYT | Dài 70 cm                   |
| 21 | Chổi Dừa             | Cây   | 5   | Chất liệu: Cọng tàu dừa hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam       | TTYT | Dài 35 cm                   |
| 22 | Chổi Quét Bàn        | Cây   | 12  | Chất liệu: Sợi ni lon hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam         | TTYT | Dài 50 cm                   |
| 23 | Cước nhôm            | Miếng | 60  | Chất liệu: Inox 410 hoặc tương đương                               | TTYT | 14 gr                       |
| 24 | Cước Xanh            | Miếng | 100 | Chất liệu: Cước hoặc tương đương                                   | TTYT | 13 x 15 cm                  |
| 25 | Cao Su Mè Trắng      | Cây   | 15  | Chất liệu: Cao su hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam             | TTYT | Rộng 1,4 dài 50 m           |
| 26 | Dép nhựa tổ ong Nữ   | Đôi   | 40  | Chất liệu: Nhựa hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam               | TTYT | Màu trắng số...             |
| 27 | Dây Thun             | Kg    | 150 | Chất liệu: Cao su hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam             | TTYT | Đường kính vòng trung: 2cm  |
| 28 | Đèn Pin (Sạc)        | Cây   | 25  | Hiệu ASIA hoặc tương đương; 5 bóng hoặc tương đương                | TTYT | 5 bóng                      |
| 29 | Dép Nhựa tổ ong Nam  | Đôi   | 60  | Hiệu: Thái Nguyên hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam             | TTYT | Màu trắng số...             |
| 30 | Đồ Hút Rác nhựa      | Cái   | 5   | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                 | TTYT | Cao 60 cm                   |
| 31 | Giấy Vuông           | Bịch  | 80  | Hiệu: Daily hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                   | TTYT | 100 tờ/bịch; 300 x 300 (mm) |
| 32 | Ghế nhựa             | Cái   | 20  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                 | TTYT | 17 x 26 x cao 15cm          |
| 33 | Giấy Y Tế            | Kg    | 500 | Hiệu: Linh Xuân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam               | TTYT | 40 x 50 cm                  |
| 34 | Gối vải              | Cái   | 50  | Chất liệu: Vải, ruột bông gòn hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam | TTYT | 35 x 50 cm                  |
| 35 | Giấy Vệ sinh Lõi     | Cuộn  | 300 | Hiệu: Sài Gòn hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                 | TTYT | Loại có lõi. 02 lớp giấy    |
| 36 | Gào Múc Nước Tay cầm | Cái   | 10  | Hiệu: Tỷ Liên hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                 | TTYT | Đường kính: 20cm            |
| 37 | Hộp Nhựa             | Cái   | 10  | Hiệu: Tỷ Liên hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                 | TTYT | 2.300 ml                    |
| 38 | Kệ Góc 2 tầng INOX   | Cái   | 2   | Chất liệu: Inox 201 hoặc tương đương; sản                          | TTYT | 42 x 25 cm                  |

|    |                  |       |       |                                                            |      |                               |
|----|------------------|-------|-------|------------------------------------------------------------|------|-------------------------------|
|    |                  |       |       | xuất: Việt Nam                                             |      |                               |
| 39 | Khăn Trắng Vuông | Cái   | 600   | Chất liệu: Vải cotton hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam | TTYT | 20 x 20 cm                    |
| 40 | Ly Giấy          | Cái   | 5,000 | Chất liệu giấy hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | 280 ml                        |
| 41 | Mền nhung        | Cái   | 100   | Hiệu: Long Việt hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam       | TTYT | 1,6 x 2 m                     |
| 42 | Móc Phoi Đồ      | Cây   | 50    | Hiệu: Nam Điền hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | 40 cm                         |
| 43 | Mùng lưới        | Cái   | 50    | Hiệu Phước Long hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam       | TTYT | 1,2 x 2 m                     |
| 44 | Nước Lau sàn     | Chai  | 40    | Hiệu: Sunlight hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | 1000 ml                       |
| 45 | Nước Lau Kính    | Chai  | 5     | Hiệu: Mỹ Hào hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam          | TTYT | 500 ml                        |
| 46 | Nước Rửa Chén    | Chai  | 20    | Hiệu: Sunlight hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | 750 ml                        |
| 47 | Nước Tẩy cầu     | Chai  | 20    | Hiệu: Okay hoặc tương đương; sản xuất: Thái Lan            | TTYT | Thái lan 960 ml               |
| 48 | Nước Tẩy Javel   | Chai  | 700   | Hiệu: Javel hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam           | TTYT | Chai 1000 ml                  |
| 49 | Pin Tiểu         | Cục   | 800   | Hiệu: Panasonic hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam       | TTYT | Loại AA                       |
| 50 | Pin Trung        | Cục   | 20    | Hiệu: Panasonic hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam       | TTYT | Loại Trung                    |
| 51 | Pin Tiểu         | Cục   | 400   | Hiệu: Panasonic hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam       | TTYT | Loại AAA                      |
| 52 | Rổ Nhựa          | Cái   | 15    | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam         | TTYT | có quai 46 x 31,5 x cao 25 cm |
| 53 | Rổ Nhựa          | Cái   | 50    | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam         | TTYT | Màu...25 x 32 cm              |
| 54 | Sọt Nhựa         | Cái   | 2     | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam         | TTYT | Duy Tân ĐK 41,5 x 32 cm       |
| 55 | Thảm Mù          | Miếng | 5     | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam         | TTYT | Màu... 40 x 60 cm             |
| 56 | Thảm vải lau sàn | Miếng | 2     | Chất liệu: Vải hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | Màu... 15 x 45 cm             |

|    |                |      |     |                                                     |      |                         |
|----|----------------|------|-----|-----------------------------------------------------|------|-------------------------|
| 57 | Thảm Vải       | Cái  | 100 | Chất liệu: Vải hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam | TTYT | Màu... 50 x 35 cm       |
| 58 | Thùng rác nhựa | Cái  | 10  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | Màu vàng 20 Lít có nắp  |
| 59 | Thùng rác nhựa | Cái  | 10  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | Màu trắng 20 Lít có nắp |
| 60 | Thùng rác nhựa | Cái  | 10  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | Màu xanh 20 Lít có nắp  |
| 61 | Thùng rác nhựa | Cái  | 10  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | Màu đen 20 Lít có nắp   |
| 62 | Thùng rác nhựa | Cái  | 10  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | Màu vàng 30 Lít có nắp  |
| 63 | Thùng rác nhựa | Cái  | 10  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | Màu trắng 30 Lít có nắp |
| 64 | Thùng rác nhựa | Cái  | 10  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | Màu xanh 30 Lít có nắp  |
| 65 | Thùng rác nhựa | Cái  | 10  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | Màu đen 30 Lít có nắp   |
| 66 | Thùng rác nhựa | Cái  | 10  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | Màu vàng 60 Lít có nắp  |
| 67 | Thùng rác nhựa | Cái  | 10  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | Màu trắng 60 Lít có nắp |
| 68 | Thùng rác nhựa | Cái  | 10  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | Màu xanh 60 Lít có nắp  |
| 69 | Thùng rác nhựa | Cái  | 10  | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | Màu đen 60 Lít có nắp   |
| 70 | Xà Bông        | Bọc  | 950 | Hiệu: Omo hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam      | TTYT | Bọc 770g                |
| 71 | Xà Bông        | Chai | 30  | Hiệu: Lifebouy hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam | TTYT | Chai 500ml              |
| 72 | Xô nhựa        | Cái  | 5   | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | 05 lít                  |
| 73 | Xô nhựa        | Cái  | 2   | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | 20 lít                  |
| 74 | Xô nhựa        | Cái  | 5   | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | 35 lít                  |
| 75 | Xô nhựa        | Cái  | 5   | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | 60 lít                  |

|                         |                       |      |       |                                                                        |      |                                         |
|-------------------------|-----------------------|------|-------|------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------|
|                         |                       |      |       | Việt Nam                                                               |      |                                         |
| 76                      | Xô nhựa               | Cái  | 5     | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                     | TTYT | 80 lít                                  |
| 77                      | Xô nhựa               | Cái  | 5     | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                     | TTYT | 120 lít                                 |
| 78                      | Thao nhựa             | Cái  | 5     | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                     | TTYT | Đường kính 82 cm                        |
| 79                      | Thao nhựa             | Cái  | 4     | Hiệu: Duy Tân hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                     | TTYT | Đường kính 60 cm                        |
| <b>Tổng cộng phần I</b> |                       |      |       |                                                                        |      |                                         |
| <b>II</b>               | <b>Văn phòng phẩm</b> |      |       |                                                                        |      |                                         |
| 1                       | Băng Keo              | Cuộn | 130   | Hiệu: OPP hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                         | TTYT | Đường kính: 5cm                         |
| 2                       | Băng Keo              | Cuộn | 330   | Hiệu: OPP hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                         | TTYT | Đường kính: 5cm                         |
| 4                       | Cây Bấm 50 LA         | Cây  | 2     | Hiệu: KW-Trio hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                     | TTYT | Tối đa 210 trang; bấm từ 23/6 đến 23/23 |
| 5                       | Cây Bấm Lỗ            | Cây  | 6     | Hiệu: KW-Trio; sản xuất: Việt Nam                                      | TTYT | khoảng cách giữa 02 lỗ là 80mm          |
| 6                       | Cây Bấm               | Cây  | 140   | Hiệu: Thiên Long hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                  | TTYT | Số 10                                   |
| 7                       | Cây Bấm               | Cây  | 10    | Hiệu: Thiên Long hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                  | TTYT | Số 3                                    |
| 8                       | Cây Phá Kim Bấm       | Cây  | 10    | Hiệu: Eagle hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                       | TTYT | Mã: 1039                                |
| 9                       | Ghim Kẹp              | Hộp  | 210   | Hiệu: OEM hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam                         | TTYT | Tam giác C 62                           |
| 10                      | Giấy A5 Xanh          | Gram | 230   | Hiệu: Bìa Thái hoặc tương đương; định lượng 180gsm                     | TTYT | Khổ A5                                  |
| 11                      | Giấy A4 Trắng         | Gram | 3,000 | Giấy: Double A hoặc tương đương, định lượng 70gsm                      | TTYT | Khổ A4                                  |
| 12                      | Giấy A4 Vàng          | Gram | 1,100 | Hiệu: Bãi Bằng hoặc tương đương; định lượng: 60gsm; sản xuất: Việt Nam | TTYT | Khổ A4                                  |
| 13                      | Giấy A5 Trắng         | Gram | 600   | Hiệu: Double A hoặc tương đương; định lượng 70gsm                      | TTYT | Khổ A5                                  |
| 14                      | Giấy Dán Góc          | Xấp  | 50    | Hiệu: Pronoti hoặc tương đương                                         | TTYT | Notes 7,6 x 7,6 x 1cm                   |
| 15                      | Giấy Nhiệt            | Cuộn | 900   | Loại: Giấy in nhiệt hoặc tương đương;                                  | TTYT | 80 x 80 mm                              |

|    |                     |      |       |                                                        |      |                                 |
|----|---------------------|------|-------|--------------------------------------------------------|------|---------------------------------|
|    |                     |      |       | định lượng 68gsm; sản xuất: Việt Nam                   |      |                                 |
| 16 | Giấy Than           | Tờ   | 600   | Hiệu: Horse hoặc tương đương                           | TTYT | Loại 1, 100 tờ/ hộp             |
| 17 | Hồ dán giấy         | Chai | 5,000 | Hiệu: Thiên Long hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | 30 ml                           |
| 18 | Kệ rổ nhựa 1 Ngăn   | Cái  | 80    | Hiệu: Xukiva hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam      | TTYT | 25,5 10 x 29 cm                 |
| 19 | Kéo văn phòng       | Cây  | 100   | Hiệu: Thiên Long hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | 250 mm                          |
| 20 | Kẹp Bướm            | Hộp  | 100   | Hiệu: Slecho hoặc tương đương                          | TTYT | Loại dài 32mm, hộp 12 cái       |
| 21 | Kẹp Bướm            | Hộp  | 150   | Hiệu: Slecho hoặc tương đương                          | TTYT | Loại dài 19 mm, hộp 12 cái      |
| 22 | Kim Bấm             | Hộp  | 1,300 | Hiệu: Việt Đức hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam    | TTYT | Loại số 10, hộp 1000 kim        |
| 23 | Kim Bấm             | Hộp  | 30    | Hiệu: Việt Đức hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam    | TTYT | Loại số 3, hộp 1000 kim         |
| 24 | Máy Tính            | Cái  | 20    | Hiệu: Casio hoặc tương đương; sản xuất: Nhật           | TTYT | Casio 12 số                     |
| 25 | Mực Dấu             | Chai | 40    | Hiệu: Slecho hoặc tương đương                          | TTYT | Shiny S63 Xanh; Dung tích: 30ml |
| 26 | Mực Dấu             | Chai | 20    | Hiệu: Slecho hoặc tương đương                          | TTYT | Shiny S62 Đỏ; Dung tích: 30ml   |
| 27 | Bìa sơ mi giấy      | Cái  | 50    | Hiệu: Thái Dương hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | 03 dây 35 x 25                  |
| 28 | Bìa trình ký đôi A4 | Cái  | 30    | Hiệu: King – star hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam | TTYT | 1 Kẹp 23 x 32 cm                |
| 29 | Bìa trình ký đôi A4 | Cái  | 40    | Hiệu: XSPY hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | 2 Kẹp 23 x 32 cm                |
| 30 | Sơ Mi nút           | Cái  | 3,000 | Hiệu: MyClear hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam     | TTYT | Nhựa có nắp 25 x 35             |
| 31 | Sơ Mi lá            | Cái  | 1,500 | Hiệu: MyClear hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam     | TTYT | Nhựa không nắp 22 x 31          |
| 32 | Tấm Bông Đỏ         | Hộp  | 10    | Hiệu: Sao Đỏ hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam      | TTYT | Shiny 7 x 11 cm                 |
| 33 | Tập giấy            | Cuốn | 80    | Hiệu: Tân Tiến hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam    | TTYT | g 200 trang                     |
| 34 | Thuốc Kê            | Cây  | 50    | Hiệu: Kim Nguyên hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | 30 cm                           |
| 35 | Thuốc Kê            | Cây  | 10    | Hiệu: Kim Nguyên hoặc tương đương; sản                 | TTYT | 50 cm                           |

|    |                          |      |     |                                                       |      |                                   |
|----|--------------------------|------|-----|-------------------------------------------------------|------|-----------------------------------|
|    |                          |      |     | xuất: Việt Nam                                        |      |                                   |
| 36 | Viết lông bảng           | Cây  | 210 | Hiệu: Thiên Long hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam | TTYT | Mã sản phẩm: WB – 02 xóa được     |
| 37 | Viết Lông Dầu            | Cây  | 600 | Hiệu: Thiên Long hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam | TTYT | Mã sản phẩm: PM – 09 (loại lớn)   |
| 38 | Sổ karô                  | Cuốn | 70  | Hiệu: Thảo Linh hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam  | TTYT | (25 x 32cm) 300 trang             |
| 39 | Hộp đựng hồ sơ giấy      | Cái  | 10  | Hiệu: Deli hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam       | TTYT | Kích thước: 23,5 x 31,5 x 10 (cm) |
| 40 | Giấy A5 Trắng            | Gram | 10  | Hiệu: Double A hoặc tương đương; định lượng 120gsm    | TTYT | Khổ A5                            |
| 41 | Băng keo                 | Cuộn | 10  | Hiệu: OPP hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam        | TTYT | Màu... đường kính: 5cm            |
| 42 | Giấy A3 trắng            | Gram | 10  | Hiệu: Double A hoặc tương đương; định lượng 80gsm     | TTYT | Khổ A3                            |
| 43 | Kim bấm                  | Hộp  | 5   | Hiệu: TriO hoặc tương đương                           | TTYT | Loại số 15/23, hộp 1000 kim       |
| 44 | Giấy A4                  | Xấp  | 30  | Hiệu: Double A hoặc tương đương; định lượng 180gsm    | TTYT | Xấp 100 tờ                        |
| 45 | Giấy A5                  | Xấp  | 10  | Hiệu: Bãi Bằng hoặc tương đương; định lượng 60gsm     | TTYT | Xấp 100 t)                        |
| 46 | Kẹp Bướm                 | Hộp  | 100 | Hiệu: Slecho hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam     | TTYT | Loại dài 41mm, hộp 12 cái         |
| 47 | Viết dạ quang            | Cây  | 30  | Hiệu: Thiên Long hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam | TTYT | Mã sản phẩm: WB – 02              |
| 48 | Sáp điểm giấy            | Hộp  | 20  | Hiệu: Ageless hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam    | TTYT | Mã sản phẩm: A002                 |
| 49 | Viết xóa                 | Cây  | 20  | Hiệu: Thiên Long hoặc tương đương; sản xuất: Việt Nam | TTYT | Mã sản phẩm: CP-02                |
|    | <b>Tổng cộng phần II</b> |      |     |                                                       |      |                                   |

Số tiền bằng chữ: (...).

3. Địa điểm cung cấp vật tư, công cụ, dụng cụ, văn phòng phẩm tại Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: năm 2025 - 2026 - 2027.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Bên A tạm ứng 30% giá trị hợp đồng cho bên B Thanh toán trong vòng 7 ngày sau khi hợp đồng được ký kết. Bên A sẽ thanh toán 70% số tiền còn lại cho Bên B. Thanh

toán trong vòng 15 ngày sau khi Bên B bàn giao đủ hàng hóa theo hợp đồng, cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán và hóa đơn tài chính theo quy định cho bên A, biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa, biên bản xác định khối lượng công việc hoàn thành (mẫu 08a), biên bản thanh lý hợp đồng.

+ Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc được nghiệm thu hoàn thành theo thực tế (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được cấp thẩm quyền phê duyệt).

6. Các thông tin khác (nếu có)./. *uu*

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Văn Nhì**